

Bản án số: 79/2023/HSST

Ngày: 30/10/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Sáu; bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách.

Ngày 30/10/2023, tại Nhà văn hóa khu Nhân Đào, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2023/HSST ngày 06/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HS ngày 17/10/2023; Thông báo thay đổi địa điểm mở phiên tòa số 75/2023/TB -TA ngày 25/10/2023 đối với bị cáo:

Cao Văn Đ, sinh năm 1993;

ĐKHKT: Khu dân cư Khánh Hội, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Chỗ ở: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Văn L và bà Đào Thị T; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ năm;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Bản án số 33 ngày 25/6/2015 của Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt Cao Văn Đ 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bản án số 43 ngày 06/7/2015 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt Cao Văn Đ 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bản án số 107 ngày 07/7/2015 của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 51 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bản án số 25 ngày 14/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt Cao Văn Đ 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bản án số 43/2015/HSST ngày 24/8/2015 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt Đ 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 33/2015 ngày 25/6/2015 của TAND huyện Nam Sách, Bản án số 43 ngày 06/7/2015 của TAND huyện Gia Lộc, Bản án số 107 ngày 07/7/2015 của TAND thành phố Hải Dương, Bản án số 25 ngày 14/7/2015 của TAND huyện Bình Giang. Buộc Đ phải chấp hành hình phạt chung của 05 Bản án là 10 năm 9 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 25/8/2015. Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2023 đến ngày 27/7/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H;

Có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị U' – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H; Có mặt.

- *Người bị hại:*

+ UBND phường Á, TP H, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng khu N. Vắng mặt.

+ UBND xã A, N, Hải Dương; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L1 – Trưởng thôn L. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quang V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu đô thị N, phường Á, TP H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đào Thị T, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; anh Phạm Ngọc Q, sinh năm 1988. Có mặt bà T, vắng mặt bà D, anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 21/7/2023 rạng sáng ngày 22/7/2023, Cao Văn Đ điều khiển xe máy điện màu đỏ, biển số 34MĐ1- 361.08 mang theo 01 kim cộng lực, dây cao su đi từ nhà đến khu vực chùa L, thuộc thôn L, xã A, huyện N nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Đ dựng xe ở khu vực ngoài cánh đồng rồi mang theo kim cộng lực, dây cao su chèo qua bờ tường vào trong Chùa L. Đ vào khu vực nhà thờ T (đối diện sân) dùng kim cộng lực cắt khóa cửa rồi vào bên trong lấy 01 chuông đồng cao khoảng 35 cm; 03 cuộn dây điện; 02 chân nến bằng đồng, 01 máy giặt cửa đứng nhãn hiệu Aquar còn nguyên hộp catton và số tiền khoảng 700.000 đồng trong hòm công đức. Đ chằng số tài sản đã lấy được gồm 03 cuộn dây điện, chuông đồng và 02 chân nến bằng đồng lên xe máy sau đó điều khiển đến quán thu mua sắt vụn của ông Trần Quang V ở KDC N, phường Á, thành phố H để bán. Đ vớt chuông đồng và 03 cuộn dây điện qua hàng rào vào kho cửa hàng phế liệu của ông V còn 02 chân nến bằng đồng thì giấu ở rìa đường quốc lộ (đối diện với quán của ông V). Sau đó, Đ điều khiển xe máy điện quay lại chùa L theo lối cũ vào trong lấy chiếc máy giặt chằng lên xe tiếp tục chở đến quán của ông V. Khi gặp ông V, Đ nói có số tài sản cần tiền gấp để đi đám cưới muốn bán. Ông V đồng ý mua và hẹn Đ hôm sau quay lại. Khoảng 9 giờ ngày 22/7/2023, Đ đến gặp ông V, hai bên thỏa thuận chuông đồng nặng 12 kg, giá 120.000 đồng/kg; 03 cuộn dây điện giá 500.000 đồng; 01 máy giặt giá 1.300.000 đồng, tổng cộng là 3.240.000 đồng. Chiều hôm sau, Đ tiếp tục mang 02 chân nến bằng đồng đến bán cho ông V, ông V đồng ý mua và trả 840.000 đồng tuy nhiên chưa thanh toán tiền cho Đ. Ngày 24/7/2023, Đ đến cơ quan CSĐT Công an huyện N đầu thú. Tại kết luận định giá tài sản số số 18 ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND huyện N kết luận: 01 chuông đồng hình bát, kích thước 25 x 30 cm, nặng 14 kg mua mới tháng 6/2023 trị giá 7.667.000 đồng; 02 chân nến đồng cao 35 cm mua mới từ lâu không xác định được giá 1.900.000 đồng; 01 máy giặt loại Aqua, loại 7,2 kg mua mới tháng 6/2023 trị giá 4.033.000 đồng; 01 cuộn dây điện màu vàng loại 2C x 2,5 một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm ba chân màu cam trắng dài 18,2 m trị giá 283.000 đồng; 01 cuộn dây điện loại 2c x 1,5 một đầu có phích cắm, một đầu có chuỗi bóng đèn dài 9,6 mét trị giá 120.000 đồng; 01 cuộn dây điện loại 2c x 1,5 dài 18,3 m một đầu có phích cắm trị giá 237.000 đồng. Tổng cộng: 14.240.000 đồng.

Quá trình điều tra Đ tự khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản ở Đ, phường Á, thành phố H, cụ thể: Khoảng 23 giờ ngày 19/7/2023 Đ điều khiển xe máy điện biển số 34MĐ1-361.08 mang theo kim cộng lực, 01 xà cày và 02 dây cao su đến khu vực

phường Á, thành phố H mục đích trộm cắp tài sản. Đ vào Đình N thấy không có người, Đ dựng xe máy điện bên ngoài chèo tường vào trong khuôn viên của Đình. Đ đến trước cửa căn nhà đối diện cổng dùng kìm cộng lực mang theo để cắt khóa rồi đi vào bên trong. Tại đây, Đ thấy có 03 điện thờ, 01 hòm công đức để ở trước điện thờ chính giữa nên dùng kìm cộng lực cắt khóa hòm công đức lấy được số tiền khoảng 500.000 đồng rồi tiếp tục lấy chiếc chuông đồng hình tròn (treo trên giá đỡ đặt ở dưới đất phía trước điện thờ thứ 3 đối diện cửa cắt khóa vào) rồi bê chiếc chuông đồng ra ngoài rồi tiếp tục vào trong lấy 02 âm ly. Toàn bộ số tài sản trên, Đ mang ra ngoài rồi chằng lên xe máy điện chở cất giấu tại chân cầu P, thành phố H. Trưa ngày hôm sau, Đ mang số tài sản trên đến quán thu mua sắt vụn của ông Trần Quang V ở KDC N, phường Á, thành phố H bán. Đ nói với ông V những tài sản trên do mình đi thu mua về bán lại. Ông V đồng ý mua và trả Đ giá chiếc chuông đồng nặng 6,5 kg là 120.000 đồng/kg, 02 âm ly giá 250.000 đồng. Tại kết luận định giá tài sản số 221 ngày 14/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - UBND huyện N kết luận: 01 chuông hình chiếc nón quai thao, ở giữa có núm, làm bằng kim loại đồng, đường kính 56 cm nặng 6,5kg đã cũ trị giá 3.157.000 đồng; 01 âm ly màu đen, đã qua sử dụng bên trước mặt âm ly có chữ Calikore JPA-800II đã cũ trị giá 280.000 đồng; 01 âm ly màu đen, đã qua sử dụng, bên trên mặt trước có chữ Stero Mixing Amplifer PA-203III đã cũ trị giá 723.000 đồng. Tổng cộng 4.160.000 đồng

Vật chứng: 01 chuông đồng hình bát, kích thước 25x30cm, nặng 14kg; 01 máy giặt loại cửa trên, màu xám ghi, nhãn hiệu Aqua, loại 7,2kg; 03 cuộn dây điện; 02 chân nền Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Nguyễn Văn L1, người được giao quản lý chùa L. 01 âm ly màu đen nhãn hiệu Stero Mixing Pmplifier PA 203III; 01 âm ly màu đen nhãn hiệu Calioke JPA – 800II; 01 chiếc chuông đồng hình tròn, có núm ở giữa, đường kính 56cm, nặng 6,5kg Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện trả lại cho ông Nguyễn Văn T1, là người quản lý Đình N, phường Á, thành phố H. 01 xe máy điện nhãn hiệu Espero, biển số 34MD1-361.08 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Ngọc C. 01 điện thoại Iphone 6S, loại 32GB màu vàng đồng, có ốp nhựa, gắn sim số 0586510673, 01 bao tải, 01 kìm cộng lực cắt kim loại, 02 dây cao su, số tiền 5.888.900đ do Đ giao nộp được lưu giữ chờ xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKS-NS ngày 06/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Cao Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Tuyên bố: Cao Văn Định phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Xử phạt bị cáo từ 14 -16 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 24/7/2023; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Trần Quang V số tiền 4.270.000đ, đối trừ với số tiền 5.888.900đ bị đã giao nộp, trả lại cho bị cáo 1.618.900đ; Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu huỷ 01 bao tải, 01 kìm cộng lực cắt kim loại, 02 dây cao su, tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S; Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Xác định về tội danh của bị cáo theo như cáo trạng truy tố là chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Về các tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú với hành vi trộm cắp ở Chùa L và tự thú đối với hành vi trộm cắp ở Đình N, bị cáo tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xử bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày 19 rạng sáng ngày 20/7/2023, Cao Văn Đ có hành vi lén lút vào Đình N, thuộc phường Á, thành phố H trộm cắp những tài sản gồm: 01 chiếc hình tròn, 02 amply màu đen có tổng giá trị là 4.160.000 đồng

và 500.000đ tiền công đức, tổng = 4.660.000 đồng. Đêm ngày 21/7/2023 rạng sáng ngày 22/7/2023, Đ có hành vi lén lút vào chùa L, xã A, huyện N trộm cắp những tài sản gồm: 01 máy giặt mới hiệu Aqua, 01 chuông đồng, 03 cuộn dây điện, 02 chân nến bằng đồng và số tiền công đức 700.000đ, tổng giá trị tài = 14.940.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt tại Đ và chùa L2 là 19.600.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, công dân, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn có ý thực hiện, giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.600.000 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Do đó bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú đối với hành vi trộm cắp ở Chùa L và tự thú đối với hành vi trộm cắp tại Đình N, bị cáo tác động đến gia đình để trả lại tiền trộm cắp cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm, nhưng không lấy đó là bài học để rèn luyện, sửa đổi mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội, do đó cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Ông Trần Quang V là người mua các tài sản mà bị cáo trộm

cấp với số tiền 4.270.000đ nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Quá trình điều tra ông V đã tự nguyện giao nộp tài sản cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Ông V yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 4.270.000đ. Quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 5.888.900đ, trong đó có 4.270.000đ là tiền anh V trả cho bị cáo, còn lại là tiền của bị cáo. Bị cáo đề nghị trả lại cho anh V tiền 4.270.000đ, số tiền còn lại 1.618.900đ đề nghị trả cho bị cáo. HĐXX chấp nhận đề nghị của bị cáo.

[7] Đối với 01 bao tải, 01 kim cộng lực cắt kim loại, 02 dây cao su là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại Iphone 6S, loại 32GB màu vàng đồng, có ốp nhựa, gắn sim số 0586510673 bị cáo sử dụng liên lạc để bán tài sản trộm cắp nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên HĐXX miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại Điều 10 Luật phí và lệ phí, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[9] Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Cao Văn Đ** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn Đ **15 (Mười lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Cao Văn Đ trả lại cho ông Trần Quang V số tiền 4.270.000đ, được trừ với số tiền 5.888.900đ đã giao nộp, trả lại cho bị cáo 1.618.900đ.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bao tải, 01 kim cộng lực cắt kim loại, 02 dây cao su.

Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S, loại 32GB màu vàng đồng, có ốp nhựa, gắn sim số 0586510673

(Số tiền đã thu giữ của của bị cáo và vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện N với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nam Sách ngày 26/10/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 10 Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Cơ quan điều tra - CA huyện Nam Sách;
- Bộ phận HSNV – Công an huyện;
- Cơ quan THAHS – CA huyện;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND phường N, TP H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy